

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02/2022/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Cửu, ngày 06 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 149, 150, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 380/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021, về “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:*

- Anh Lê Văn H, sinh năm: 1991

Nơi thường trú: Tổ 17, Khu phố H, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0973.xxxxxx.

- Chị Bùi Mỹ H, sinh năm 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 17, Khu phố H, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 12/9, Khu phố M, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0345.xxxxxx.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo lời trình bày của anh Lê Văn H và chị Bùi Mỹ H tại hồ sơ thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: anh chị tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 04 ngày 24/7/2017.

Trong thời gian chung sống thì anh chị liên tục xảy ra mâu thuẫn do không hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng đều không được nên cả hai đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không thể chung sống với nhau. Anh chị không thể hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh chị có 01 con chung tên Lê Gia H, sinh ngày 29/5/2018. Hiện nay cháu H do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu H cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh H cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: anh chị phải chịu theo quy định của pháp luật.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 29 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm quyền lợi chính đáng của chị H, cháu H và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội,

[3]. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Văn H và chị Bùi Thị H thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: anh H, chị H có 01 con chung tên là Lê Gia H, sinh ngày 29/5/2018. Hiện nay cháu H do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh H, chị H thỏa thuận giao cháu H cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh H cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi điều kiện thay đổi và vì quyền lợi của con, anh H, chị H được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền nêu tại mục này, hàng tháng bên phải thi hành án không phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Về tài sản chung, nợ chung: anh H, chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Lê Văn H và chị Bùi Mỹ H mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng lệ phí việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo 02 Biên lai thu số 0003952, 0003953 cùng ngày 22/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Anh H, chị H đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu (01);
- UBND TT. Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (02).

THẨM PHÁN
(*đã ký tên, đóng dấu*)

Võ Xuân Sơn